

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2025/DS-PT

Ngày: 26/6/2025

V/v: “*Tranh chấp lời đi chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ký

Ông Dương Lê Bửu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Trần Thị Thu Sương- Kiểm sát

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2025/TLPT-DS ngày 21/5/2025 về việc “*Tranh chấp lời đi chung*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 226/2025/QĐXXPT-DS ngày 06/6/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Đình H, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 4, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ I, ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Mai Thị H1, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ C, ấp D, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai

3.2. Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1946, địa chỉ cư trú: ấp D, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai

3.3. Chị Hoàng Thị Ý T1, sinh năm 1983

Người đại diện theo ủy quyền của ông P, chị T1: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Tổ I, ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Trần Đình H, sinh năm 1961

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Năm 1987 gia đình ông được Nông trường 2, xí nghiệp L giao đất để trồng mía; khi Nông trường giải thể thì ông tiếp tục nhận sử dụng đất, đến ngày 17/12/2013 gia đình ông được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận số BP 076617; thửa đất số 201, tờ bản đồ số 5 xã N tọa lạc tại ấp D, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đối diện với tuyến đường vào nhà văn hóa ấp D hiện nay, có một lối đi chung để gia đình ông và một số hộ có đất liền kề để xe vào cày đất, chở mía cho các thửa đất: 201, 204, 205.. Suốt 37 năm qua, kể từ khi ông nhận đất của Nông trường giao đất (năm 1987) cho tới ngày 16/04/2019 ông vẫn thường xuyên đi trên lối đi này để sản xuất, không tranh chấp với ai và không ai tranh chấp. Ngày 17/4/2019 anh Nguyễn Đức T rào lại phần tiếp giáp với đường 200 đi N không cho ông đi vào thửa đất 201, gây rất nhiều khó khăn cho ông để vào đất sản xuất. Ngày 03/01/2020, anh T lại tiếp tục rào phía sau; ngày 04/01/2020 và ngày 18/5/2020 tiếp tục đổ đất đá giữa tuyến đường để thay đổi hiện trạng; những việc làm trên đây ông đều có báo lại cho UBND xã N biết để không làm mất hiện trạng của tuyến đường gia đình ông đã làm đơn đề nghị UBND xã giải quyết, UBND xã N đã kiểm tra hiện trạng, tổ chức các bước hòa giải nhưng không thành.

Đến nay, các bên không thể tự thương lượng, hòa giải được với nhau để giải quyết vụ việc tranh chấp nêu trên. Vì vậy, ông làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú giải quyết, buộc anh Nguyễn Đức T mở lại lối đi chung giữa hai thửa đất liền kề thửa số 200 và thửa số 173 tờ bản đồ số 05 bản đồ địa chính xã N để ông có lối đi lại. Theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 441/2024 ngày 07/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T, lối đi chung này có diện tích 137,6m², được giới hạn bởi các mốc 8,9,4,5,8.

Đối với phần đất tiếp giáp với thửa 81, tờ bản đồ số 5, địa chính xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì ông không có yêu cầu vì vậy đề nghị Tòa án không đưa chủ sử dụng đất thuộc thửa 81 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Hiện nay để đi vào thửa đất số 201, tờ bản đồ số 5 xã N gia đình ông đang đi tạm trên thửa đất số 202 tờ bản đồ số 5 xã N của gia đình ông để vào đất canh tác, đối với thửa đất số 202 hiện nay cũng đang tiếp giáp với đường bê tông.

Ông khẳng định liên kết giữa hai thửa số 200 và thửa số 173 tờ bản đồ số 05 bản đồ địa chính xã N có lối đi chung từ trước cho đến nay, ông không có yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề.

Ngoài ra, ông không đồng ý với Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 441/2024 ngày 07/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T, ông đề nghị Tòa án đo đạc lại hiện trạng thực tế toàn bộ thửa đất số 80, 173, 73, tờ bản đồ số 5, địa chính xã N để xác định còn lối đi chung như yêu cầu khởi kiện của ông.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Anh có sử dụng diện tích đất theo hiện trạng là 2004m², diện tích được cấp giấy 1733,8m² đất thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, trồng cây lâu năm, tại xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 519104 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/6/2005. Đất có tứ cận: hướng bắc giáp đường đi, hướng nam giáp với thửa đất số 81, 201 tờ số 05; hướng đông giáp với thửa đất số 73, tờ số 01, hướng tây giáp với thửa đất số 200 tờ số 05, xã N.

Về nguồn gốc đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 05: Trước đây Ủy ban nhân dân huyện T giao thửa đất số 173, tờ bản đồ số 05 cho cha ruột của anh là ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1946 sử dụng ổn định cho đến năm 2005, tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho anh và anh đã sử dụng ổn định cho đến nay.

Sau khi xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông H thì anh có ý kiến như sau: Diện tích 1733,8m² đất thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 05 có nguồn gốc được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho cha ruột của anh, sau đó sang tên cho anh sử dụng ổn định từ trước đến nay, quá trình sử dụng đất thì trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 05 không có con đường đi và gia đình anh cũng không mở lối đi chung, không cho hộ ông Trần Đình H đất để làm lối đi vì thửa đất số 201, tờ bản đồ số 05 của ông H đã có lối đi riêng (Ông H đi trên thửa đất số 202 của ông H để vào thửa đất số 201). Mặt khác, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 05 từ khi được nhà nước giao đất đến nay đều tiếp giáp với thửa đất số 200, tờ bản đồ số 05, địa chính xã N. Bởi những lẽ trên thì việc ông Trần Đình H khởi kiện yêu cầu anh phải mở lối đi chung theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 441/2024 ngày 07/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T, lối đi chung này có diện tích 137,6m², được giới hạn bởi các mốc 8,9,4,5,8 thuộc một

phần thửa 173, tờ bản đồ số 05 địa chính xã N thì anh không đồng ý.

Đối với ý kiến đo đạc lại toàn bộ thửa đất số 80, 173, 73, tờ bản đồ số 5, địa chính xã N của ông H thì anh cũng không đồng ý, vì ông H yêu cầu mở lối đi chung, phần diện tích, vị trí ông H yêu cầu mở lối đi đã được đo đạc đúng theo yêu cầu của ông H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức P trình bày:*

Ông nhận đất để trồng mía của Nông trường 2, xí nghiệp L vào năm 1983, diện tích ông được nhận là mấy ha (ông không nhớ diện tích cụ thể được nhận bao nhiêu), tại thời điểm ông nhận đất của Nông trường 2, xí nghiệp 600 thì trên đất của ông cũng không có con đường đi nhưng có một lối đi tắt trên đất của ông để các hộ phía sau đi lấy mía cho gần còn để đi canh tác chính thì mọi người đi con đường C (Hiện nay Nhà nước đã làm đường bê tông và gọi là con đường gì thì ông không rõ).

Khoảng đến năm 1989 thì Nông trường 2, xí nghiệp L giải thể thì Nhà nước giao đất cho ông đang canh tác để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, đến tại thời điểm này các hộ dân không còn trồng mía nên không đi trên lối đi tắt trên đất của ông nữa, tại thời điểm này chỉ còn ông Trần Đình H có đất phía sau đất nhà ông nên ông H muốn đi tắt trên đất của ông để vào canh tác cho gần (Thực tế ông H để đi vào thửa đất số 201 có thể đi đường cầu Khi hiện nay đã được Nhà nước làm đường bê tông đi qua thửa đất 202 của ông H để vào canh tác).

Vì nghĩ tình cảm hàng xóm và đất của ông cũng chưa xây dựng nhà để ở và chưa làm hàng rào nên ông H vẫn đi tắt trên đất của ông mà ông không có phản đối. Đến năm 2005 ông đã cho toàn bộ đất này cho con trai là anh Nguyễn Đức T, vì anh T không sinh sống tại địa phương nên ông H vẫn đi lại trên phần đất của anh T.

Đến năm 2019 anh T tiến hành làm hàng rào hết phần đất của mình và đổ đất nên giữa ông H và anh T mới phát sinh tranh chấp. Ông khẳng định từ trước đến nay trên đất của ông và hiện nay là đất của anh T không có lối đi chung mà chỉ là lối đi tự phát của ông Trần Đình H.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án mở lối đi chung trên đất của anh T theo ông là không có căn cứ vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H1 trình bày:*

Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình H, yêu cầu anh Nguyễn Đức T mở lại lối đi chung giữa hai thửa đất liền kề thửa số 200 và thửa số 173 tờ bản đồ số 05 địa chính xã N để gia đình bà có lối đi lại.

Tại bản án sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 29, Điều 31, Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; Điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình H về việc buộc anh Nguyễn Đức T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm lối đi chung có diện tích 137,6m², thuộc một phần thửa 173 tờ bản đồ số 05 địa chính xã N được giới hạn bởi các mốc 8,9,4,5,8 theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 441/2024 ngày 07/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Đình H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá tài sản là 22.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng mà nguyên đơn đã nộp, nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản

3. Về án phí: Ông Trần Đình H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng, án phí, án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 07/3/2025, nguyên đơn ông Trần Đình H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Ông Trần Đình H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đức T phải mở lại lối đi chung giữa hai thửa đất số 200 và thửa số 173 tờ bản đồ số 5, xã N, huyện T có diện tích 137,6m² được giới hạn bởi các mốc 8,9,4,5,8 Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 441/2024 ngày 07/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T là không có cơ sở chấp nhận. Bản án của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử là có căn cứ

và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Bác toàn bộ đơn kháng cáo của ông Trần Đình H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp, người tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ;

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải mở lại lối đi chung giữa hai thửa số 200 và thửa số 173 tờ bản đồ số 05 địa chính xã N với diện tích 137,6m², được giới hạn bởi các mốc (8,9,4,5,8) theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 441/2024 ngày 07/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh T.

[2.1] Về nguồn gốc: Ngày 18/3/2005, ông Phạm Hữu K được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số AB664193 đối với thửa đất số 73 tờ bản đồ số 5, xã N. Ngày 26/4/2005, anh Nguyễn Đức T nhận chuyển nhượng trọn diện tích thửa đất số 173 tờ bản đồ số 5 (tách thửa 73) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 649/CN do UBND xã N xác nhận ngày 26/5/2005 và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB519104 ngày 22/6/2005. Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 5 xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai do ông Trần Đình H và bà Mai Thị H1 sử dụng, nguồn gốc do ông bà được Xí nghiệp 600 cấp năm 1982, đến ngày 17/12/2013 gia đình ông H được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 076617. Ông H cho rằng giữa hai thửa đất 173 và thửa 200 có lối đi chung để người dân đi ra đường công cộng, hình thành từ năm 1987.

[2.2] Theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 441/2024 ngày 07/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh T, diện tích nguyên đơn tranh chấp được giới hạn bởi các mốc (8,9,4,5,8). Ông H yêu cầu đo đạc lại tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định Văn phòng đăng ký đất đai đã thực hiện đo đạc đúng theo sự chỉ dẫn của ông. Yêu cầu đo đạc lại toàn bộ thửa đất số 80, 173, 73, tờ bản đồ số 5 xã N là không phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện, đồng thời ông H cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện kết quả đo đạc là không chính xác. Do đó, Tòa án cấp sơ

thẩm không chấp nhận việc đo đạc lại, sử dụng bản Trích lục số 441/2024 ngày 07/6/2024 làm căn cứ giải quyết vụ án là có căn cứ.

[2.3] Tại Văn bản số 28927/UBND-NN ngày 06/8/2024 của UBND huyện T khẳng định: Căn cứ bản đồ địa chính đo đạc năm 1997, bản đồ địa chính đo đạc chỉnh lý năm 2012 và kết quả xác nhận đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định: Tại vị trí tiếp giáp thửa đất số 173, 201 (vị trí nêu tại nội dung đề nghị của Tòa án nhân dân huyện) không thể hiện đường đi công cộng.

[2.4] Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T thể hiện: Trước đây trên thửa đất 173, tờ bản đồ số 5 địa chính xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai khi còn Xí nghiệp 600 thì có một số hộ dân tự ý bỏ ra để làm lối đi nhưng sau khi trả lại đất cho Xí nghiệp 600 thì không còn đi trên còn đường này nữa.

[2.5] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2024 của TAND huyện Tân Phú thể hiện: Hiện trạng thửa đất 173 tờ bản đồ số 05 địa chính xã N có ranh bản đồ địa chính tiếp giáp với thửa đất 200 tờ bản đồ số 05 địa chính xã N. Đối với phần đất ông H chỉ dẫn cho rằng là lối đi chung thì hiện trạng không thể hiện không có lối đi chung, trên đất hiện có 03 cây điều được ông P trồng từ trước cho đến nay và hiện trạng cũng không có ai đi lại trên phần đất ông H chỉ dẫn.

[2.6] Theo văn bản số 111/UBND ngày 15/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã N thể hiện: Về hiện trạng lối đi vào thửa đất số 201, tờ bản đồ số 5 do ông Trần Đình H đang sử dụng, ngoài việc đi trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 5 để vào thửa đất số 201, tờ bản đồ số 5 thì ông H đang sử dụng thửa đất số 202, tờ bản đồ số 5, diện tích 3399,5m² có tiếp giáp với thửa số 201, tờ bản đồ số 5 và một cạnh tiếp giáp với đường bê tông xi măng hiện hữu. Nguyên đơn cũng thừa nhận nội dung nói trên, thửa 201 không thuộc trường hợp bất động sản bị vây bọc.

[2.7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bị đơn phải trả lại diện tích 137,6m² để làm đường đi công cộng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Đình H thuộc trường hợp được miễn án phí.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Bác toàn bộ đơn kháng cáo của ông Trần Đình H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 170, 171 Luật đất đai 2013; Điều 29, Điều 31, Điều 236, Điều 252 Luật Đất đai năm 2024; Điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình H về việc buộc anh Nguyễn Đức T phải trả lại diện tích đất lần chiếm lỏi đi chung có diện tích 137,6m², thuộc một phần thửa 173 tờ bản đồ số 05 địa chính xã N được giới hạn bởi các mốc 8,9,4,5,8 theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 441/2024 ngày 07/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Đình H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá tài sản là 22.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng mà nguyên đơn đã nộp, nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản

3. Về án phí: Ông Trần Đình H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng, án phí, án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- Viện kiểm sát nhân dân H. Tân Phú
- Tòa án nhân dân H. Tân Phú
- Chi cục thi hành án dân sự H. Tân Phú
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Trang